

Số: 10/TB-KT, HT&ĐT

Nhị Chiểu, ngày 26 tháng 8 năm 2025

## THÔNG BÁO

**Về việc niêm yết, công khai Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Lâm nghiệp, kiểm lâm, khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

Thực hiện Quyết định số 2881/QĐ-UBND, ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Lâm nghiệp, kiểm lâm, khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, phường Nhị Chiểu thông báo tới các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vị trí, cách thức, hình thức niêm yết, công khai Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Lâm nghiệp, kiểm lâm, khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng cụ thể như sau:

1. Niêm yết công khai Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Lâm nghiệp, kiểm lâm, khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng gồm: 02 Danh mục hành chính cấp tỉnh (kèm theo Danh mục) tại Trung tâm phục vụ hành chính công phường Nhị Chiểu. (Địa chỉ: Số 3, Vũ Mạnh Hùng, phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng).

2. Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử phường Nhị Chiểu (địa chỉ truy cập <https://nhichieu.haiphong.gov.vn>).

Trên đây là Thông báo của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị về niêm yết, công khai Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm, khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng./.

**Nơi nhận:**

- Sở NN&MT (báo cáo);
- CT, PCT UBND phường;
- Các phòng, ban phường;
- Trung tâm PVHCC phường;
- Cổng thông tin điện tử phường;
- Lưu: KT, HT&ĐT



**Trần Văn Tuyên**

**Phụ lục  
DANH MỤC**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM, KHÍ TƯỢNG THUỶ VĂN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

*(Kèm theo Thông báo số 10/TB-KT, HT&ĐT, ngày 26 tháng 8 năm 2025 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Nhị Chiểu)*

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (02 TTHC)**

| STT | Mã TTHC                                | Tên TTHC                                                                                         | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện                                              | Phí, lệ phí    | Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (X) |          | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                           | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                                        |                                                                                                  |                     |                                                                 |                | Toàn trình                           | Một phần |                                                                                                                                                          |         |
| I   | LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (01 TTHC)          |                                                                                                  |                     |                                                                 |                |                                      |          |                                                                                                                                                          |         |
| 1   | 3.000501                               | Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.             | 26 ngày             | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng Hải Phòng | Không quy định |                                      | x        | Nghị định số 183/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025                                                                                                               |         |
| II  | LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG, THUỶ VĂN (01 TTHC) |                                                                                                  |                     |                                                                 |                |                                      |          |                                                                                                                                                          |         |
| 1   | 1.014026                               | Phê duyệt điều chỉnh một phần kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh | 13 ngày làm việc    | Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng Hải Phòng | Không quy định |                                      | X        | - Luật khí tượng thủy văn số 90/2021/QH13 ngày 23/11/2015.<br>- Nghị định số 136/NĐ-CP ngày 12/6/2025.<br>- Thông tư số 09/2016/TT-BTNMT ngày 16/5/2016. |         |

## NỘI DUNG THỰC HÀNH LÂM NGHIỆP



**1. Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư - 3.000502**

### **1.1. Trình tự thực hiện:**

#### **a) Bước 1: Nộp hồ sơ**

Chủ rừng nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ đến Cơ quan chuyên môn được phân công thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi là Cơ quan tiếp nhận hồ sơ) để phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho chủ rừng biết và nêu rõ lý do.

#### **b) Bước 3: Thẩm định**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổ chức thẩm định bằng hình thức gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về hồ sơ và nội dung của phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan, tổ chức, cá nhân có ý kiến bằng văn bản gửi đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến thẩm định của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành thẩm định. Trường hợp thẩm định không đạt, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho chủ rừng biết và nêu rõ lý do.

#### **c) Bước 4: Quyết định phê duyệt**

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ do cơ quan tiếp nhận hồ sơ trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng theo Mẫu số 07 tại Phụ lục IB kèm theo Nghị định số 183/2025/NĐ-CP.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử.

### **1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:**

\* Hồ sơ tổ chức nộp tại cơ quan tiếp nhận:

a) Đơn đề nghị của chủ rừng theo Mẫu số 04 tại Phụ lục IB kèm theo Nghị định số 183/2025/NĐ-CP (bản chính);

b) Bảng tổng hợp danh sách hộ gia đình, cá nhân đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ xây dựng phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng theo Mẫu số 05 tại Phụ lục IB kèm theo Nghị định số 183/2025/NĐ-CP (bản chính);

c) Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng theo Mẫu số 06 tại Phụ lục IB kèm theo Nghị định số 183/2025/NĐ-CP (bản chính);

d) Các loại bản đồ (bản chính) gồm: bản đồ hiện trạng rừng theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11565:2016; bản đồ khu vực nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11565:2016 thể hiện các khu vực, diện tích dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu đối với trường hợp chủ rừng hợp tác, liên doanh, liên kết với tổ chức, cá nhân nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu hoặc sơ đồ khu vực nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu thể hiện các khu vực, diện tích dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu đối với trường hợp chủ rừng tự tổ chức nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng.

\* Hồ sơ trình phê duyệt:

a) Tờ trình của cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

b) Tổng hợp ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan;

c) Kết quả thẩm định.

d) Đơn đề nghị của chủ rừng theo Mẫu số 04 tại Phụ lục IB kèm theo Nghị định số 183/2025/NĐ-CP (bản chính);

đ) Bảng tổng hợp danh sách hộ gia đình, cá nhân đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ xây dựng phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng theo Mẫu số 05 tại Phụ lục IB kèm theo Nghị định số 183/2025/NĐ-CP (bản chính);

e) Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng theo Mẫu số 06 tại Phụ lục IB kèm theo Nghị định số 183/2025/NĐ-CP (bản chính);

g) Các loại bản đồ (bản chính) gồm: bản đồ hiện trạng rừng theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11565:2016; bản đồ khu vực nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11565:2016 thể hiện các khu vực, diện tích dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu đối với trường hợp chủ rừng hợp tác, liên doanh, liên kết với tổ chức, cá nhân nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu hoặc sơ đồ khu vực nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu thể hiện các khu vực, diện tích dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu đối với trường hợp chủ rừng tự tổ chức nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng.

**1.4. Thời hạn giải quyết:** 24 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

**1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn được phân công thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng theo Mẫu số 07 tại Phụ lục IB kèm theo Nghị định số 183/2025/NĐ-CP.

**1.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

a) Đơn đề nghị của chủ rừng theo Mẫu số 04 tại Phụ lục IB kèm theo Nghị định số 183/2025/NĐ-CP;

b) Bảng tổng hợp danh sách hộ gia đình, cá nhân đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ xây dựng phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng theo Mẫu số 05 tại Phụ lục IB kèm theo Nghị định số 183/2025/NĐ-CP;

c) Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng theo Mẫu số 06 tại Phụ lục IB kèm theo Nghị định số 183/2025/NĐ-CP.

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không.

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Nghị định số 183/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

MẪU BIỂU

Mẫu số 04

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Tên xã)....., ngày .... tháng .... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng**  
(Áp dụng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân  
liên kết tổ chức theo nhóm hộ)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (tên xã):.....

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024; Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày .... tháng.... năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.*

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân xã (tên xã)..... xem xét, phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng như sau:

1. Họ và tên chủ rừng/trưởng nhóm hộ/người đại diện cộng đồng dân cư:.....

2. Địa chỉ (Thôn/bản/buôn, xã, tỉnh):.....

3. Nơi cư trú: (Thôn/bản/buôn, xã, tỉnh):.....

4. Số CCCD/CC:.....; ngày cấp:...../...../.....

5. Hồ sơ gửi kèm:

- Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng;

- Các loại bản đồ, sơ đồ, gồm:.....

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân xã (tên xã)..... xem xét, phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng./.

**CHỦ RỪNG/ĐẠI DIỆN CHỦ RỪNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: CR hoặc nhóm hộ, THT.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 -----

(Tên xã)....., ngày .... tháng .... năm ...

**TỔNG HỢP DANH SÁCH**

**Hộ gia đình, cá nhân hoặc nhóm hộ, cộng đồng dân cư tham gia xây dựng phương án  
 nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng**

Xã..... tỉnh.....

(Áp dụng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân  
 liên kết tổ chức theo nhóm hộ)

Tên đại diện chủ rừng/trưởng nhóm hộ/cộng đồng dân cư:

Địa chỉ:.....

| TT    | Tên chủ rừng | Thôn, bản, làng | Tiểu khu, khoảnh | Lô    | Diện tích (ha) | Rừng đặc dụng (ha) |            | Rừng phòng hộ (ha) |            | Rừng sản xuất (ha) |            |
|-------|--------------|-----------------|------------------|-------|----------------|--------------------|------------|--------------------|------------|--------------------|------------|
|       |              |                 |                  |       |                | Rừng tự nhiên      | Rừng trồng | Rừng tự nhiên      | Rừng trồng | Rừng tự nhiên      | Rừng trồng |
| 1     |              |                 |                  |       |                |                    |            |                    |            |                    |            |
|       | .....        | .....           | .....            | ..... | .....          | .....              | .....      | .....              |            | .....              | .....      |
| Tổng: |              | .....           | .....            | ..... | .....          | .....              | .....      | .....              | .....      | .....              | .....      |

**XÁC NHẬN CỦA KIỂM LÂM PHỤ  
 TRÁCH ĐỊA BÀN (HOẶC CÁN BỘ  
 NÔNG, LÂM XÃ)<sup>[1]</sup>**

**ĐẠI DIỆN CHỦ RỪNG/NHÓM  
 HỘ/CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ**  
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

<sup>[1]</sup> Xác nhận về tính chính xác của: tên chủ rừng, địa chỉ, loại rừng và diện tích rừng được giao, cho thuê hoặc đang quản lý không có tranh chấp.

**PHƯƠNG ÁN NUÔI, TRỒNG PHÁT TRIỂN, THU HOẠCH CÂY DƯỢC LIỆU  
TRONG RỪNG**

*(Áp dụng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ)*

**MỞ ĐẦU**

**Chương I**

**ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA CHỦ RỪNG**

**I. LOẠI HÌNH CHỦ RỪNG**

1. Hộ gia đình/cá nhân (hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ), cộng đồng dân cư để xây dựng phương án.
2. Số lượng thành viên tham gia xây dựng phương án (trường hợp liên kết theo nhóm hộ).

**II. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG, LOÀI CÂY DƯỢC LIỆU HIỆN CÓ TRONG RỪNG**

1. Nêu đặc điểm chung về hiện trạng tài nguyên rừng của chủ rừng: hộ gia đình/cá nhân/nhóm hộ/cộng đồng dân cư.

2. Tổng diện tích rừng: ....ha, trong đó:

- Rừng đặc dụng ...ha (rừng tự nhiên ...ha, rừng trồng ...ha) theo địa danh (lô, khoảnh, tiểu khu);

- Rừng phòng hộ ...ha (rừng tự nhiên ...ha, rừng trồng ...ha) theo địa danh (lô, khoảnh, tiểu khu);

- Rừng sản xuất ...ha (rừng tự nhiên ...ha, rừng trồng ...ha) theo địa danh (lô, khoảnh, tiểu khu).

Diện tích của từng thành viên nhóm hộ/cộng đồng dân cư, gồm: diện tích loại rừng được tổng hợp theo mẫu Biểu 01.

- Cây dược liệu hiện có trong rừng (thống kê các loài cây dược liệu chính):.....

**Biểu 01: Tổng hợp diện tích rừng của hộ gia đình, cá nhân hoặc nhóm hộ, cộng đồng dân cư**

| Tên chủ rừng | Tổng diện tích (ha) | Rừng đặc dụng (ha) <sup>[2]</sup> | Rừng phòng hộ (ha) | Rừng sản xuất (ha) |
|--------------|---------------------|-----------------------------------|--------------------|--------------------|
| (1)          | (2=3+4+5)           | (3)                               | (4)                | (5)                |
| .....        |                     |                                   |                    |                    |
| .....        |                     |                                   |                    |                    |

|             |  |  |  |  |
|-------------|--|--|--|--|
| <b>Tổng</b> |  |  |  |  |
|-------------|--|--|--|--|

<sup>[2]</sup> Đối với rừng tín ngưỡng do cộng đồng quản lý.

## **Chương II**

### **KẾ HOẠCH NUÔI, TRỒNG PHÁT TRIỂN, THU HOẠCH CÂY DƯỢC LIỆU TRONG RỪNG**

**I. THỜI GIAN THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN:** Từ năm ... đến năm ...

### **II. KẾ HOẠCH NUÔI, TRỒNG PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU TRONG RỪNG**

#### **1. Đối với rừng đặc dụng**

- Diện tích các khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu theo lô, khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh.
- Danh mục loài cây dược liệu dự kiến nuôi, trồng phát triển.
- Phương thức trồng:
  - + Phương thức trồng: phân tán hoặc theo đám dưới tán rừng;
  - + Dự kiến tỷ lệ % bình quân về diện tích trồng cây dược liệu dưới tán rừng so với tổng diện tích rừng của từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (thống kê theo lô, khoảnh, tiểu khu,...) theo diện tích rừng của chủ rừng.
- Chu kỳ canh tác (năm) dự kiến theo loài cây dược liệu.
- Xác định luân kỳ chuyển đổi vị trí nuôi, trồng phát triển cây dược liệu sang vị trí nuôi, trồng mới đảm bảo không làm suy giảm diện tích rừng, chất lượng rừng, ảnh hưởng đến tái sinh của rừng.
- Biện pháp chăm sóc, bảo vệ rừng, phòng, chống sinh vật gây hại cây dược liệu.
- Dự kiến hình thức tổ chức thực hiện (chủ rừng tự tổ chức hoặc hợp tác, liên kết) theo từng chủ rừng (theo lô, khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

*(Chi tiết thống kê theo mẫu Biểu 02)*

#### **2. Đối với rừng phòng hộ, rừng sản xuất**

- Diện tích các khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (lô, khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).
- Danh mục loài cây dược liệu dự kiến nuôi, trồng phát triển.
- Phương thức trồng:
  - + Phương thức trồng: trồng phân tán hoặc theo băng hoặc theo đám dưới tán rừng.

+ Dự kiến tỷ lệ % bình quân về diện tích nuôi, trồng phát triển cây dược liệu dưới tán rừng so với tổng diện tích rừng của từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (thống kê theo từng diện tích rừng của chủ rừng).

- Chu kỳ canh tác (năm) dự kiến theo loài cây dược liệu.

- Xác định luân kỳ chuyển đổi vị trí nuôi, trồng phát triển cây dược liệu sang vị trí nuôi, trồng mới đảm bảo không làm suy giảm diện tích rừng, chất lượng rừng, ảnh hưởng đến tái sinh của rừng.

- Biện pháp chăm sóc, bảo vệ rừng, phòng, chống sinh vật gây hại cây dược liệu.

- Dự kiến hình thức tổ chức thực hiện (chủ rừng tự tổ chức hoặc hợp tác, liên doanh, liên kết) theo từng chủ rừng (theo lô, khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

(Chi tiết thống kê theo mẫu Biểu 02)

**Biểu 02: Dự kiến kế hoạch nuôi, trồng phát triển cây dược liệu trong rừng**

| TT                                 | Chủ rừng                            | Diện tích<br>trồng<br>(ha) | Loài cây<br>trồng | Năm<br>trồng | Chu kỳ<br>canh tác dự<br>kiến (năm) | Phương<br>thức trồng | Khu vực                              |
|------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------|-------------------|--------------|-------------------------------------|----------------------|--------------------------------------|
| <b>I. RỪNG ĐẶC DỤNG (nếu có):</b>  |                                     |                            |                   | .....        |                                     |                      |                                      |
| 1                                  | Cộng đồng Bản A,<br>xã...., tỉnh/tp | 2,5                        | ...               | 2025         | 8                                   | Phân tán             | Lô, khoảnh,<br>tiểu khu, xã,<br>tỉnh |
| 2                                  | ....                                | .....                      | ....              | ....         | .....                               |                      |                                      |
| <b>II. RỪNG PHÒNG HỘ (nếu có):</b> |                                     |                            |                   | .....        |                                     |                      |                                      |
| 1                                  | Đình Văn B                          |                            |                   |              |                                     |                      |                                      |
| 2                                  | .....                               |                            |                   | .....        |                                     |                      |                                      |
| <b>III. RỪNG SẢN XUẤT (nếu có)</b> |                                     |                            |                   |              |                                     |                      |                                      |
| 1                                  | Nguyễn Văn C                        |                            |                   |              |                                     |                      |                                      |
| 2                                  | ....                                |                            |                   |              |                                     |                      |                                      |
| <b>Tổng (I+II+III):</b>            |                                     |                            |                   | .....        |                                     |                      |                                      |

### **III. KẾ HOẠCH THU HOẠCH CÂY DƯỢC LIỆU TRONG RỪNG**

Nêu cụ thể các nội dung sau:

1. Diện tích dự kiến thu hoạch: .....ha theo chủ rừng (lô, khoảnh, tiểu khu).
2. Loài cây dược liệu dự kiến thu hoạch.
3. Phương thức thu hoạch dự kiến (thu hoạch toàn bộ cây; thu hái hoa, quả, củ, lá, thân,...).
4. Biện pháp quản lý cây dược liệu sau thu hoạch.

#### **IV. KẾ HOẠCH BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG Ở KHU VỰC NUÔI, TRỒNG PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU**

1. Diện tích rừng quản lý, bảo vệ.
2. Diện tích rừng áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh nâng cao chất lượng rừng (diện tích, biện pháp tác động) theo chủ rừng và theo địa danh lô, khoảnh, tiểu khu tại khu vực dự kiến nuôi trồng, phát triển cây dược liệu.
3. Diện tích áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh trên diện tích nuôi, trồng phát triển sau khi thu hoạch cây dược liệu theo chủ rừng và theo địa danh (lô, khoảnh, tiểu khu,...).

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

##### **I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Nêu cụ thể nhiệm vụ của chủ rừng hoặc trưởng nhóm; ban quản lý nhóm (nếu có) và từng thành viên nhóm (trường hợp liên kết) để xây dựng và thực hiện phương án.

##### **II. THEO DÕI KIỂM TRA, GIÁM SÁT**

Nội dung theo dõi đánh giá, giám sát bao gồm:

1. Kiểm tra, giám sát của Ủy ban nhân dân xã, cơ quan Kiểm lâm.
2. Kiểm tra, giám sát định kỳ đối với chủ rừng và thành viên nhóm (trường hợp tổ chức theo nhóm hộ).

##### **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN (nêu các giải pháp thực hiện phương án)**

1. Về tổ chức nhóm (trường hợp tổ chức theo nhóm hộ gia đình), cộng đồng dân cư.
2. Hỗ trợ của cơ quan Kiểm lâm.
3. Kiến nghị đối với địa phương.

**CHỦ RỪNG**  
**ĐẠI DIỆN NHÓM HỘ/CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN.....

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Số: .../QĐ-...

..., ngày... tháng... năm....

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng**  
(Áp dụng cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân  
liên kết tổ chức theo nhóm hộ)

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định  
chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18  
tháng 7 năm 2024; Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày .... tháng.... năm 2025 của Chính phủ  
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP;*

*Căn cứ Quyết định số .... (các quyết định phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, nếu  
có).....;*

*Căn cứ .....*

*Xét đề nghị của ..... tại .....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng  
của.....(tên chủ rừng/nhóm hộ/cộng đồng dân cư) giai đoạn:.....với những nội dung chủ  
yếu sau đây:

1. Tên gọi của phương án: Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong  
rừng của.....(tên chủ rừng) giai đoạn:.....
2. Phạm vi thực hiện của phương án: nêu địa danh (lô, khoảnh, tiểu khu) hoặc số giấy chứng  
nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, giao rừng, cho thuê đất của chủ rừng.
3. Thời gian thực hiện:...
4. Kế hoạch nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng

a) Diện tích các khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu (lô, khoảnh, tiểu khu, xã, tỉnh).

- Rừng đặc dụng;

- Rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

b) Loài cây dược liệu dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch.

c) Phương thức trồng, chu kỳ canh tác dự kiến.

d) Dự kiến hình thức tổ chức thực hiện (chủ rừng tự tổ chức hoặc hợp tác, liên doanh, liên kết) theo từng khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu (tiểu khu, xã, tỉnh).

đ) Kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phục hồi rừng ở khu vực dự kiến nuôi, trồng phát triển cây dược liệu.

- Diện tích rừng quản lý, bảo vệ; bảo tồn đa dạng sinh học (đối với rừng đặc dụng);

- Diện tích rừng dự kiến áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng rừng (diện tích, biện pháp lâm sinh tác động) trong khu vực nuôi, trồng phát triển cây dược liệu;

- Biện pháp lâm sinh dự kiến áp dụng đối với khu vực rừng sau khi thu hoạch cây dược liệu.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Trách nhiệm của chủ rừng.

2. Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn cấp xã.

3. Các phòng, ban và địa phương có liên quan.

4. ....

*(Chi tiết thông tin tại phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng kèm theo).*

## **Điều 3. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành**

.....thống kê các cơ quan, cá nhân trực tiếp liên quan và.....(tên chủ rừng)..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;

- .....

- Các phòng cơ quan....;

- Lưu: VT,...

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*